

Số: /QĐ-ĐMST

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán và tình hình thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước 03 tháng đầu năm 2025**

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Quyết định số 3463/QĐ-BKHCN ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán chi NSNN năm 2025 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-BKHCN ngày 07/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán chi NSNN năm 2025 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán và tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 03 tháng đầu năm 2025 của Cục Đổi mới sáng tạo (theo các biểu đính kèm).

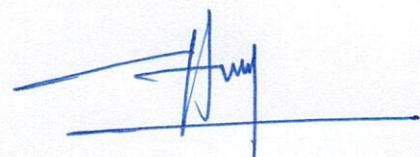
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Am*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, VP.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Phạm Việt Hồng

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

**CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐMST ngày tháng năm 2025 của Cục trưởng Đổi mới sáng tạo)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	Trung tâm Hỗ trợ phát triển và thử nghiệm công nghệ	Trung tâm Thúc đẩy Đổi mới sáng tạo
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	22.232,30	22.232,30	9.564,00	7.262,60	5.405,70
I	Nguồn ngân sách trong nước	22.232,30	22.232,30	9.564,00	7.262,60	5.405,70
1	Chi quản lý hành chính	9.214,00	9.214,00	9.214,00		
1.1	Lương và các khoản tính theo lương	5.138,00	5.138,00	5.138,00		
1.2	Định mức phân bổ chi hành chính theo đầu biên chế được giao	1.775,00	1.775,00	1.775,00		
	<i>Trong đó: Tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>20,00</i>	<i>10,00</i>	<i>20,00</i>		
1.3	Tinh giản biên chế	281,00	281,00	281,00		
1.4	Quỹ tiền thưởng	420,00	420,00	420,00		
1.5	Mua ô tô	1.600,00	1.600,00	1.600,00		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	9.618,30	9.618,30	350,00	5.262,60	4.005,70
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.640,00	1.640,00	0,00	1.290,00	350,00
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>					
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	<i>780,00</i>	<i>780,00</i>		<i>780,00</i>	
	Nghiên cứu đề xuất giải pháp hỗ trợ công nghệ phù hợp phát triển sản phẩm OCOP vùng trung du miền núi phía Bắc	780,00	780,00		780,00	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	<i>860,00</i>	<i>860,00</i>		<i>510,00</i>	<i>350,00</i>
	Nghiên cứu xây dựng các hồ sơ công nghệ chế tạo pin, ắc quy phục vụ lưu trữ năng lượng điện	350,00	350,00		350,00	
	Nghiên cứu xây dựng quy trình triển khai các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp cơ khí sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ	160,00	160,00		160,00	

★

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	Trung tâm Hỗ trợ phát triển và thử nghiệm công nghệ	Trung tâm Thúc đẩy Đổi mới sáng tạo
	Nghiên cứu xây dựng và thúc đẩy hoạt động liên kết mạng lưới đối tác đổi mới sáng tạo với các chuyên gia người Việt Nam tại nước ngoài	350,00	350,00			350,00
2.2	Kinh phí thường xuyên	3.138,30	3.138,30	0,00	1.502,60	1.635,70
	Hỗ trợ kinh phí thường xuyên	2.853,00	2.853,00		1.366,00	1.487,00
	- Trong đó: Tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương	20,00	20,00		10,00	10,00
	Quỹ tiền thưởng	285,30	285,30		136,60	148,70
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.840,00	4.840,00	350,00	2.470,00	2.020,00
2.3.1	Kinh phí hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.500,00	1.500,00		1.000,00	500,00
2.3.2	Nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao	2.990,00	2.990,00		1.470,00	1.520,00
	Thông tin phục vụ hoạt động phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025	150,00	150,00		150,00	
	Tổng hợp, đánh giá kết quả hoạt động phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương năm 2025	450,00	450,00		450,00	
	Tổng hợp kết quả hoạt động đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ cho ngành thủy sản năm 2025	490,00	490,00		490,00	
	Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Đổi mới sáng tạo thế giới năm 2025	380,00	380,00		380,00	
	Ngày công nghệ Việt Nam 2025	700,00	700,00			700,00
	Thúc đẩy hoạt động kết nối, giới thiệu, hỗ trợ chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài với doanh nghiệp, tổ chức trong nước thông qua mạng lưới đại diện KH&CN ở nước ngoài	450,00	450,00			450,00
	Tổng hợp hiện trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của các tổ chức có năng lực hỗ trợ đổi mới sáng tạo vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung và vùng Tây Nguyên	370,00	370,00			370,00
2.3.4	Hợp tác quốc tế	350,00	350,00	350,00		
	Đoàn ra	250,00	250,00	250,00		
	Đoàn vào	25,00	25,00	25,00		

★

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	Trung tâm Hỗ trợ phát triển và thử nghiệm công nghệ	Trung tâm Thúc đẩy Đổi mới sáng tạo
	Hội nghị, hội thảo quốc tế	75,00	75,00	75,00		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.260,00	1.260,00		800,00	460,00
3.1	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.260,00	1.260,00		800,00	460,00
4	Chi hoạt động kinh tế	2.140,00	2.140,00		1.200,00	940,00
4.1	Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.730,00	1.730,00		1.090,00	640,00
4.2	Quản lý, vận hành, duy trì mạng lưới tư vấn viên; đào tạo, bồi dưỡng phát triển mạng lưới tư vấn viên	110,00	110,00		110,00	
4.3	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	300,00	300,00			300,00

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 3 THÁNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐMST ngày tháng 4 năm 2025
của Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Cục Đổi mới sáng tạo công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 3 tháng đầu năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý I năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	22.232,30	2.197,56	9,88%	10,08%
I	Nguồn ngân sách trong nước	22.232,30	2.197,56	9,88%	10,08%
1	Chi quản lý hành chính	9214,00	1366,20	14,83%	15,47%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6893,00	1.366,20	19,82%	94,16%
1.2	Kinh phí tiết kiệm để cải cách tiền lương	20,00	-		
1.3	Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế	281,00	-		
1.4	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng	420,00	-		
1.5	Kinh phí mua ô tô	1.600,00	-		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	9.618,30	831,36	8,64%	126,92%
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.640,00	-	0,00%	0,00%
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	780,00	-	0,00%	0,00%
	Nghiên cứu đề xuất giải pháp hỗ trợ công nghệ phù hợp phát triển sản phẩm OCOP vùng trung du miền núi phía Bắc	780,00			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	860,00	-	0,00%	0,00%
	Nghiên cứu xây dựng các hồ sơ công nghệ chế tạo pin, ắc quy phục vụ lưu trữ năng lượng điện	350,00	-		
	Nghiên cứu xây dựng quy trình triển khai các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp cơ khí sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ	160,00	-		

✍

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý I năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	<i>Nghiên cứu xây dựng và thúc đẩy hoạt động liên kết mạng lưới đối tác đổi mới sáng tạo với các chuyên gia người Việt Nam tại nước ngoài</i>	350,00	-		
2.2	Kinh phí thường xuyên	3.138,30	831,36	26,49%	97,18%
	<i>Hỗ trợ kinh phí thường xuyên</i>	2.833,00	831,36	29,35%	106,52%
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	285,30	-		
	<i>Kinh phí tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương</i>	20,00	-		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.840,00	-	0,00%	0,00%
2.3.1	Kinh phí hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.500,00	-		
2.3.2	Nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao	2.990,00	-		
	<i>Thông tin phục vụ hoạt động phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025</i>	150,00			
	<i>Tổng hợp, đánh giá kết quả hoạt động phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương năm 2025</i>	450,00			
	<i>Tổng hợp kết quả hoạt động đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ cho ngành thủy sản năm 2025</i>	490,00			
	<i>Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Đổi mới sáng tạo thế giới năm 2025</i>	380,00			
	<i>Ngày công nghệ Việt Nam 2025</i>	700,00			
	<i>Thúc đẩy hoạt động kết nối, giới thiệu, hỗ trợ chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài với doanh nghiệp, tổ chức trong nước thông qua mạng lưới đại diện KH&CN ở nước ngoài</i>	450,00			
	<i>Tổng hợp hiện trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của các tổ chức có năng lực hỗ trợ đổi mới sáng tạo vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung và vùng Tây Nguyên</i>	370,00			
2.3.3	Hợp tác quốc tế	350,00	-	0,00%	
	<i>Đoàn ra</i>	250,00			
	<i>Đoàn vào</i>	25,00			
	<i>Hội nghị, hội thảo quốc tế</i>	75,00			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.260,00	-	0,00%	0,00%
3.1	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.260,00	-		
4	Chi hoạt động kinh tế	2.140,00	-	0,00%	0,00%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý I năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
4.1	Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	1.730,00			
4.2	Quản lý, vận hành, duy trì mạng lưới tư vấn viên; đào tạo, bồi dưỡng phát triển mạng lưới tư vấn viên	110,00			
4.3	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	300,00			

✓